

Số: 79/2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông qua
Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái
giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 73/2020/NQ-
HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông
qua Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông qua Đề án phát triển Giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Mục tiêu của Đề án: Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh phấn đấu kiên cố hóa khoảng 900km đường giao thông nông thôn; mở rộng đường bê tông xi măng khoảng 100km; mở mới, mở rộng khoảng 150km đường đất; xây dựng khoảng 1.000 công trình thoát nước các loại.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 839,8 tỷ đồng. Trong đó: Tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ là 411,3 tỷ đồng (gồm: Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn: 356 tỷ đồng; mở rộng đường bê tông xi măng: 22,5 tỷ đồng; mở mới, mở rộng đường đất: 10,5 tỷ đồng; xây dựng công trình thoát nước: 15 tỷ đồng; chi phí quyết toán + lập hồ sơ: 7,3 tỷ đồng); nguồn vốn nhân dân đóng góp và nguồn vốn khác: 428,5 tỷ đồng.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 như sau:

“b) Loại 2: Các tuyến đường nội thôn, bản, ngõ xóm được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp C. Bề rộng mặt đường từ 2,0m đến 3,0m; lề đường mỗi bên từ 0,5m đến 0,75m, rãnh dọc đảm bảo thoát nước hai bên; kết cấu mặt đường là bê tông xi măng mác 250, có chiều dày $H = 14\text{cm}$, trên nền đường hiện tại đang khai thác ổn định, được đầm kỹ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Các tuyến đường nội thôn, bản, ngõ xóm được thiết kế theo quy mô đường cấp D, phù hợp với điều kiện thực tế: Loại đường có bề rộng mặt đường từ 1,2m đến 2,0m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng mác 250, chiều dày mặt đường $H = 12\text{cm}$, trên nền đường hiện tại đang khai thác ổn định, được đầm kỹ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Áp dụng cho các địa phương: 02 huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải và các xã vùng III, thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc các huyện còn lại theo quy định của Chính phủ.”

4. Bổ sung điểm e khoản 4 Điều 1 như sau:

“e) Loại 5: Mở rộng đường bê tông xi măng mặt đường đã có từ $B_m \leq 3,0\text{m}$ lên mặt đường từ 3,5m đến 5m, nền đường tối thiểu $B_n = 6,5\text{m}$; chiều dày mặt đường mở rộng bằng chiều dày mặt đường cũ đã có, đảm bảo trên nền đường được đầm kỹ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 1 như sau:

“a) Đối với đường loại 1, loại 2 và mặt đường loại 5 quy định tại khoản 4 Điều 1:

Các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới và các thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn được nhà nước hỗ trợ vật liệu chính (xi măng, cát, đá hoặc sỏi) đến chân công trình (đã bao gồm thuế VAT).

Các phường, thị trấn và các xã còn lại được Nhà nước hỗ trợ xi măng đến chân công trình (đã bao gồm thuế VAT).”

6. Điều chỉnh, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 1 như sau:

“d) Hỗ trợ khác

Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quyết toán và 5 triệu đồng/1km cho các chi phí: Quản lý thi công, lập hồ sơ công trình đối với kiên cố mặt đường và mở mới, mở rộng nền đường (công tác lập hồ sơ do chính quyền địa phương tổ chức lập theo quy định của đề án).

Đối với các tuyến mở mới, mở rộng đường đất có khối lượng địa chất là đá cần phải nổ mìn: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí mở mới, mở rộng theo quy định, ngoài ra đối với các tuyến đường có khối lượng phá đá nổ mìn thì ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí vật liệu nổ (thuốc nổ, kíp nổ, dây điện), chi phí khoan, chi phí vận chuyển và công kỹ thuật được tính theo định mức của Bộ Xây dựng ban hành hoặc bằng các biện pháp thi công khác nhưng kinh phí không vượt quá kinh phí nổ mìn. Đối với những công trình phải sử dụng vật liệu nổ để phá đá nền đường, giao Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh là đầu mối hướng dẫn các địa phương lựa chọn đơn vị có chức năng, năng lực để thực hiện theo quy định.

Đối với địa bàn có các doanh nghiệp, tổ chức (nhất là các doanh nghiệp khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản) sử dụng phương tiện vận tải lưu thông trên tuyến đường dân đóng góp đầu tư, có trách nhiệm đóng góp (trên cơ sở tuyên truyền đóng góp tự nguyện) để thực hiện dự án, khoản đóng góp này được tính vào phần đóng góp của nhân dân.

Các huyện, thị xã, thành phố nếu có điều kiện, có thể hỗ trợ thêm kinh phí để giảm phần đóng góp của người dân.”

7. Bổ sung điểm e khoản 5 Điều 1 như sau:

“e) Đối với nền đường loại 5 quy định tại khoản 4 Điều 1:

Nhà nước hỗ trợ mở rộng nền đường đạt 6,5m theo tỷ lệ như sau: Nhà nước hỗ trợ = (20 triệu x Bề rộng nền đường phần mở rộng (m))/ 1km.”

8. Bổ sung điểm g khoản 5 Điều 1 như sau:

“g) Khuyến khích các địa phương căn cứ vào quy hoạch, điều kiện thực tế để huy động nguồn lực xây dựng công trình với quy mô xây dựng cao hơn so với quy mô xây dựng quy định trong Nghị quyết này.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận: *H₂*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, GTVT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long